

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM



Ảnh: Dorsati Madani, Ngân hàng Thế giới

CÓ GÌ MỚI?

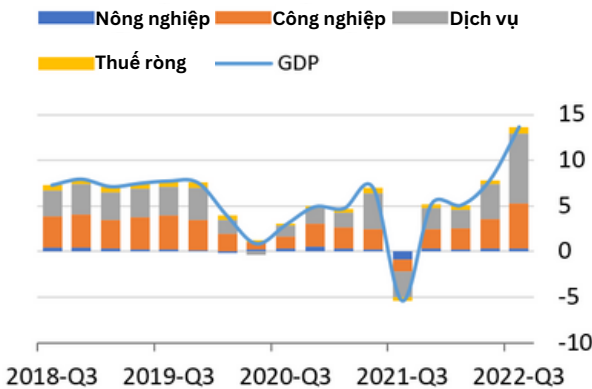
- Nền kinh tế Việt Nam ghi nhận tăng trưởng cao ở mức 13,7% riêng trong Q3/2022 (so cùng kỳ năm trước) và 8,9% trong ba quý đầu năm (so cùng kỳ năm trước), chủ yếu do hiệu ứng xuất phát điểm thấp.
- Sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ ghi nhận thêm một tháng có tốc độ tăng trưởng cao (lần lượt ở mức 13,0% và 36,1% (so cùng kỳ năm trước)), có lẽ nhờ vào các hoạt động kinh tế sôi động hơn và hiệu ứng xuất phát điểm thấp.
- Tăng trưởng xuất nhập khẩu đều chứng lại trong tháng 09/2022 do sức cầu yếu đi ở những thị trường xuất khẩu chủ lực. Số đăng ký vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giảm trong tháng 09 do ảnh hưởng bởi những bất định gia tăng về viễn cảnh kinh tế toàn cầu, trong khi số giải ngân vốn FDI tiếp tục được cải thiện.
- Tuy giá năng lượng đã hạ nhiệt, nhưng lạm phát CPI đã tăng từ 2,9% trong tháng 08 lên 3,9% trong tháng 09 chủ yếu do tiền thuê nhà và chi phí giáo dục tăng cao. Lạm phát CPI cơ bản cũng tăng, từ 3,15 trong tháng 08 lên 3,8% trong tháng 09. Tốc độ tăng tỷ giá thương mại trong Q3/2022 đã giảm so với Q2.
- Tăng trưởng tín dụng tăng từ 16,2% trong tháng 08 (so cùng kỳ năm trước) lên 17,2% trong tháng 09 (so cùng kỳ năm trước) sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) nâng hạn mức tăng trưởng tín dụng cho một số ngân hàng thương mại. Do nhu cầu lớn về tín dụng, lãi suất liên ngân hàng qua đêm tăng từ 3,5% trong tháng 08 lên đến 5,48% vào giữa tháng 10, mức cao nhất kể từ năm 2013.
- Đồng tiền của Việt Nam tiếp tục mất giá so với đồng đô-la Mỹ mạnh lên trong tháng 09 (1,0% (so tháng trước) và 3,8% (so cùng kỳ năm trước)). Để ổn định đồng nội tệ, NHNN đã nâng hai loại lãi suất chính sách chủ chốt và trần lãi suất tiền gửi ngắn hạn bằng nội tệ thêm 100 điểm cơ bản, ghi dấu đợt tăng lãi suất đầu tiên kể từ tháng 04/2020.
- Cân đối ngân sách tháng 09 lần đầu tiên bội chi ở mức 0,5 tỷ US\$ trong năm 2022, nhưng vẫn ghi nhận bội thu 10,5 tỷ US\$ trong 09 tháng đầu năm. Do thặng dư ngân sách, khối lượng trái phiếu chính phủ phát hành từ đầu năm đến nay chỉ đạt 28,7% kế hoạch năm, so với mức 67,9% năm 2021.
- Mặc dù nền kinh tế vẫn đang phục hồi mạnh mẽ, nhưng những bất định gia tăng liên quan đến kinh tế toàn cầu chứng lại, lạm phát trong nước gia tăng, điều kiện huy động tài chính toàn cầu bị thắt chặt cho thấy cần tăng cường cảnh giác và linh hoạt về chính sách. Trong điều kiện nền kinh tế chưa phục hồi đầy đủ và tăng trưởng ở những thị trường xuất khẩu chủ lực dự kiến sẽ yếu đi, chính sách tài khóa chủ động nhằm hỗ trợ nền kinh tế trong thời gian tới cần bám sát kết quả kinh tế và phối hợp với chính sách tiền tệ. Đồng thời vì CPI và CPI cơ bản đang tiếp đến mức 4% - bằng mức lãi suất chính sách của cấp có thẩm quyền - cơ quan tiền tệ cần sẵn sàng cân nhắc thắt chặt hơn nữa chính sách tiền tệ để đảm bảo neo giữ lạm phát. Khi giai đoạn giãn hoãn thời gian trả nợ đã kết thúc và điều kiện huy động tài chính bị thắt chặt, khu vực tài chính phải đối mặt với rủi ro gia tăng, đồng thời đòi hỏi phải có hướng dẫn từ phía NHNN để ngăn chặn những rủi ro đó bị hiện thực hóa ở cấp độ ngành, có thể gây ảnh hưởng đến nền kinh tế thực. Sự kiện xáo trộn gần đây liên quan đến vụ việc của Ngân hàng Thương mại Sài Gòn (SCB) cho thấy nhu cầu cần nâng cao minh bạch thông qua công bố kịp thời thông tin chi tiết về kết quả hoạt động của khu vực ngân hàng, tăng cường quản trị doanh nghiệp và tăng cường giám sát dựa trên rủi ro, bao gồm giám sát hoạt động cho vay của các tập đoàn doanh nghiệp và cho vay bên liên quan để can thiệp sớm, và tăng cường cơ chế xử lý ngân hàng.

NHỮNG DIỄN BIẾN KINH TẾ GẦN ĐÂY

Nền kinh tế Việt Nam ghi nhận tăng trưởng cao trong Q3/2022, chủ yếu do hiệu ứng xuất phát điểm thấp

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong Q3/2022 đạt 13,7% so cùng kỳ năm trước (Hình 1). Tốc độ tăng trưởng cao kỷ lục trên phần nào là nhờ hiệu ứng xuất phát điểm thấp do nền kinh tế bị suy giảm 6% trong Q3/2021 sau các đợt cách ly kéo dài nhằm kiểm chế đại dịch COVID-19. Ngành dịch vụ, bị ảnh hưởng nặng nề nhất trong năm trước đạt tăng trưởng cao nhất (18,9% (so cùng kỳ năm trước)) đóng góp 8,5 điểm phần trăm cho tốc độ tăng trưởng GDP. Cụ thể, lĩnh vực lưu trú và ăn uống lần đầu tiên cao hơn mức trước đại dịch kể từ Q2/2022 nhờ nhu cầu trong nước phục hồi mạnh mẽ, còn lĩnh vực xây dựng tăng 12,9% (so cùng kỳ năm trước) - đóng góp 4,9 điểm phần trăm. Trong ba quý đầu năm, GDP tăng trưởng 8,9% (so cùng kỳ năm trước).

Hình 1: Đóng góp cho tăng trưởng GDP
(Điểm phần trăm, so cùng kỳ năm trước, không điều chỉnh theo mùa vụ)

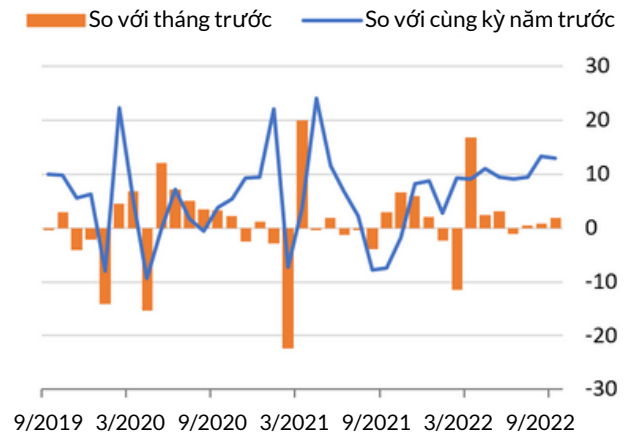


Sản xuất công nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh

Chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng 09/2022 tăng 1,8% (so tháng trước) và 13,0% (so cùng kỳ năm trước), lại một lần nữa nhờ hiệu ứng xuất phát điểm thấp vào Q3/2021 (Hình 2). Mặc dù các lĩnh vực chế tạo chế biến chủ chốt khác đều tăng trưởng, nhưng sản xuất máy tính, hàng điện tử và sản phẩm quang học lần đầu tiên bị suy giảm kể từ tháng 02/2022 (ở mức 2,4% (so cùng kỳ năm trước)), nguyên nhân do sức cầu bên ngoài yếu đi như được thể hiện qua kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng đó chững lại. Chỉ số PMI lĩnh vực chế tạo chế biến đạt 52,5 điểm trong tháng 09, ở mức

tương đương so với tháng 08, ghi dấu 12 tháng chỉ số được tăng điểm.

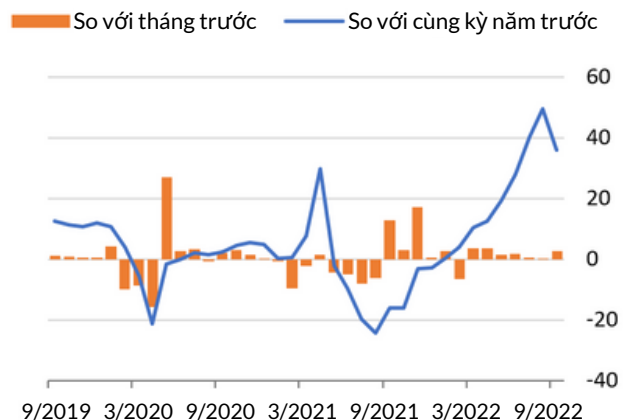
Hình 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp
(Tỷ lệ %, không điều chỉnh theo mùa vụ)



Doanh số bán lẻ cũng đạt kết quả tương tự, do các dịch vụ tiêu dùng được duy trì tốt

Doanh số bán lẻ trong tháng 09 tăng 2,95 (so tháng trước) và 36,1% (so cùng kỳ năm trước) (Hình 3). Doanh số dịch vụ tiêu dùng tăng mạnh hơn so với doanh số hàng hóa (tăng lần lượt 6,5% và 1,95% (so tháng trước)). Doanh số dịch vụ tăng nhờ vào doanh số bất động sản, các dịch vụ quản lý hành chính và hỗ trợ, y tế và giáo dục, giải trí, và các dịch vụ khác. Mặt khác, đến thời điểm mùa du lịch hè kết thúc, doanh số dịch vụ lưu trú và ăn uống chỉ tăng được 1,3% (so tháng trước) còn doanh số dịch vụ lữ hành giảm 3,0% (so tháng trước).

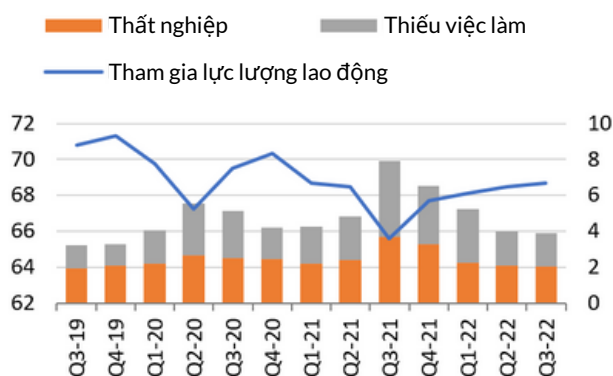
Hình 3: Doanh số bán lẻ
(Tỷ lệ %, không điều chỉnh theo mùa vụ)



Tình hình thị trường lao động tiếp tục cải thiện

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tăng nhẹ từ 68,5% trong Q2/2022 lên 68,7% trong Q3 nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mức 71,3% trước đại dịch (Hình 4). Tỷ lệ thất nghiệp đã quay lại mức trước đại dịch (2,1%) trong khi tỷ lệ thiếu việc làm (ở mức 1,9%) vẫn cao hơn so với 1,2% trước đại dịch. Thu nhập thực theo tháng tăng 0,4% (so quý trước) cao hơn 1,9% so với mức được ghi nhận trong Q1/2021, trước thời điểm quốc gia rơi vào đợt dịch COVID-19 tồi tệ nhất.

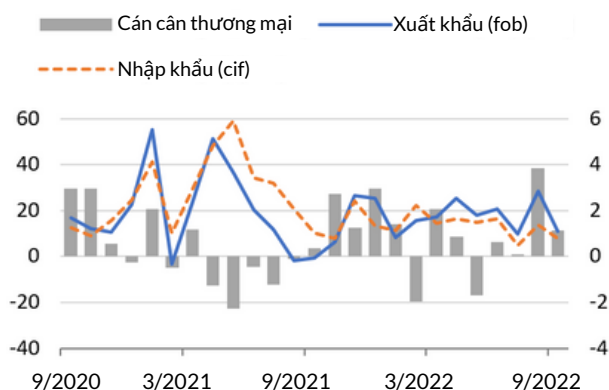
Hình 4: Thị trường lao động
(Tỷ lệ %)



Cán cân thương mại hàng hóa trong tháng 09 ghi nhận thặng dư 1,1 tỷ US\$

Hình 5: Thương mại hàng hóa

(Tỷ lệ %, so cùng kỳ năm trước, không điều chỉnh theo mùa vụ)



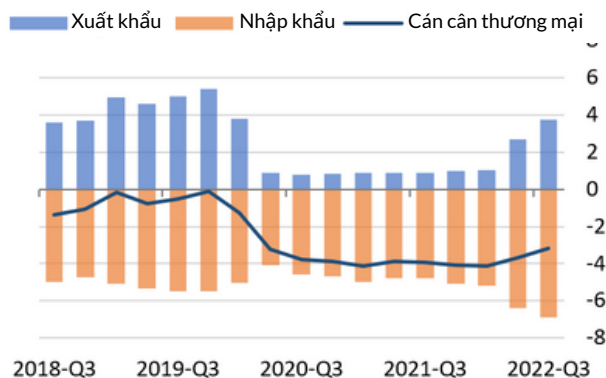
Tăng trưởng xuất nhập khẩu đều chững lại trong tháng 09/2022 so với tháng 08. Tăng trưởng xuất khẩu giảm từ 28,2% (so cùng kỳ năm trước) xuống còn 10,8% (so cùng kỳ năm trước). Tăng trưởng xuất khẩu giảm đồng đều, do nhu cầu tại Mỹ và EU yếu đi kết hợp với tác động của chính sách không Covid ở Trung Quốc cũng như hiệu ứng xuất phát điểm thấp. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng máy tính, điện thoại, hàng điện tử, và máy móc trong

tháng 09 tăng 5,6% (so cùng kỳ năm trước), so với 20,8% (so cùng kỳ năm trước) trong tháng 08. Tăng trưởng xuất khẩu các mặt hàng dệt may và giày da cũng giảm nhẹ từ 80,4% (so cùng kỳ năm trước) xuống còn 57,3% (so cùng kỳ năm trước) cùng thời điểm. Tăng trưởng tổng kim ngạch nhập khẩu giảm từ 13,6% (so cùng kỳ năm trước) xuống 8,0% (so cùng kỳ năm trước), do giảm nhập khẩu điện thoại, máy tính, hàng điện tử và máy móc, qua đó phản ánh các mặt hàng xuất khẩu công nghệ cao còn phụ thuộc nhiều vào những đầu vào nhập khẩu nêu trên.

Thương mại dịch vụ vẫn thâm hụt cho dù xuất khẩu dịch vụ đã phục hồi

Cán cân thương mại dịch vụ ghi nhận thâm hụt ở mức 3,2 tỷ US\$ trong Q3/2022, tương đối cao so với mức trước đại dịch (Hình 6). Xuất khẩu dịch vụ tăng 39,1% (so quý trước), bằng khoảng ba phần tư so với mức trước đại dịch. Yếu tố chính đóng góp cho xuất khẩu phục hồi là nhờ dịch vụ lữ hành, đạt 1,3 tỷ US\$ trong Q3/2022, cao hơn 133% so với quý II. Việt Nam đón được 1,3 triệu lượt khách quốc tế trong Q3/2022, bằng khoảng 29% so với mức trước đại dịch. Mặt khác, kim ngạch nhập khẩu dịch vụ vốn đã cao hơn mức trước đại dịch trong Q2/2022 lại tiếp tục tăng thêm 7,9% (so cùng kỳ năm trước) trong Q3-2022.

Hình 6: Thương mại dịch vụ
(Tỷ US\$, không điều chỉnh theo mùa vụ)

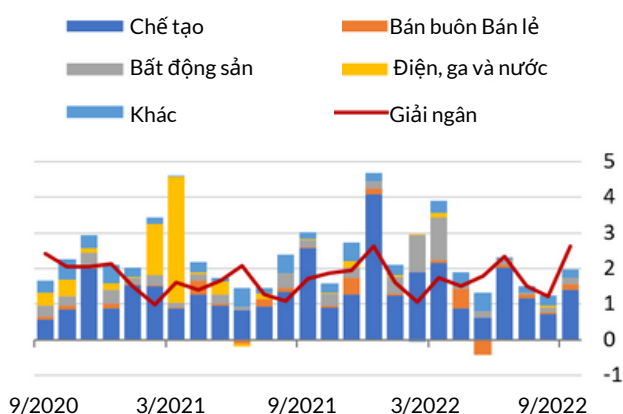


Số đăng ký vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giảm trong khi số giải ngân vẫn cao

Số đăng ký vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giảm 34,6% trong tháng 09 (so cùng kỳ năm trước) do ảnh hưởng bởi những bất định gia tăng liên quan đến viễn cảnh kinh tế toàn cầu và điều kiện huy động tài chính bị thắt chặt để chống lạm phát ở các nền kinh tế phát triển (Hình 7). Vốn đăng ký giảm ở tất cả các lĩnh vực chính, kể cả đối với đầu tư mới, mở rộng, mua lại và sát nhập (M&A). Ngược lại, số

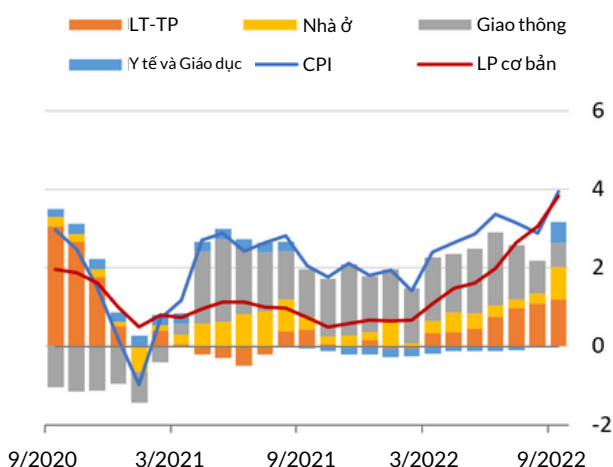
giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục tăng 10 tháng liên tiếp, nhưng quy mô tăng - 54,6% (so cùng kỳ năm trước) - phần nào là do hiệu ứng xuất phát điểm thấp trong giai đoạn cách ly vào Q3/2021. Trong 9 tháng đầu năm 2022, số đăng ký vốn FDI đạt 18,8 tỷ US\$, thấp hơn 15,3% so với năm trước đó, trong khi số giải ngân vốn FDI đạt 15,4 tỷ US\$, tăng 16,2% (so cùng kỳ năm trước), cao hơn so với mức trước đại dịch.

Hình 7: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)
(Tỷ US\$, không điều chỉnh theo mùa vụ)



Lạm phát toàn phần gia tăng cho dù giá nhiên liệu đã giảm

Hình 8: Đóng góp vào tỉ lệ lạm phát CPI
(Tỷ lệ % và điểm %, so cùng kỳ năm trước)



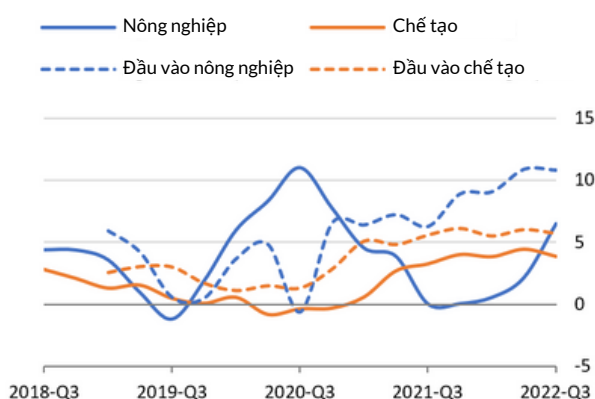
Lạm phát chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng từ 2,9% trong tháng 08 lên 3,9% trong tháng 09 (Hình 8). Dịch vụ vận tải không còn là yếu tố chính gây ra lạm phát do giá xăng và dầu đã giảm, ở mức 5,9% trong tháng 09 (so tháng trước) và chỉ cao hơn 11,2% so với năm trước. Ngược lại, lạm phát gia tăng do giá cả tăng trong lĩnh vực giáo dục (từ -0,6% (so cùng kỳ năm trước) lên 8,4% (so cùng kỳ năm trước), lĩnh vực nhà ở và vật liệu xây dựng (từ 1,4% (so cùng kỳ năm

trước) lên 4.4% (so cùng kỳ năm trước)) trong tháng 09/2022 so với tháng 08. Học phí tăng do mức trần và các mức miễn giảm học phí trong giai đoạn đại dịch đã kết thúc, khiến cho chi phí giáo dục đại học cao hơn. Nhu cầu nhà ở gia tăng ở các đô thị khi năm học mới bắt đầu cũng khiến cho giá thuê nhà cao hơn. Lạm phát giá lương thực thực phẩm tăng từ 3,3% trong tháng 08 (so cùng kỳ năm trước) lên 3,7% trong tháng 09 (so cùng kỳ năm trước) do giá đầu vào nông nghiệp và cả nhu cầu trong nước đều gia tăng. Lạm phát cơ bản, nghĩa là không bao gồm giá lương thực thực phẩm, năng lượng các mặt hàng có giá do nhà nước quản lý (giáo dục và y tế) tiếp tục tăng từ 3,1% trong tháng 08 (so cùng kỳ năm trước) lên 3,8% trong tháng 09 (so cùng kỳ năm trước), là mức cao nhất trong bảy năm qua.

Giá đầu vào sản xuất chế tạo chế biến đã hạ nhiệt trong khi giá đầu vào sản xuất nông nghiệp lại gia tăng

Chỉ số giá sản xuất (PPI) trong lĩnh vực chế tạo chế biến giảm từ mức 4,4% trong Q2/2022 (so cùng kỳ năm trước) in Q2-2022 xuống còn 3,9% trong Q3 (so cùng kỳ năm trước), do giá cả đầu vào trong lĩnh vực chế tạo chế biến đã hạ nhiệt, giảm từ 6,0% (so cùng kỳ năm trước) xuống còn 5,7% (so cùng kỳ năm trước). Ngược lại, PPI lĩnh vực nông nghiệp lại tăng từ 2,2% trong Q2 (so cùng kỳ năm trước) lên 5,7% trong Q3/2022 (so cùng kỳ năm trước), khập lại độ trễ tác động lan truyền giá đầu vào nông nghiệp gia tăng quan sát được trước đó trong năm (Hình 9). Một phần của độ trễ có thể do nền kinh tế phục hồi và một phần do chu kỳ sản xuất nông nghiệp kéo dài hơn. Về phần mình, chỉ số PPI nông nghiệp tăng có thể sẽ góp phần làm tăng giá lương thực thực phẩm trong Q3.

Hình 9: Các chỉ số giá sản xuất
(Tỷ lệ %, so cùng kỳ năm trước, không điều chỉnh theo mùa vụ)

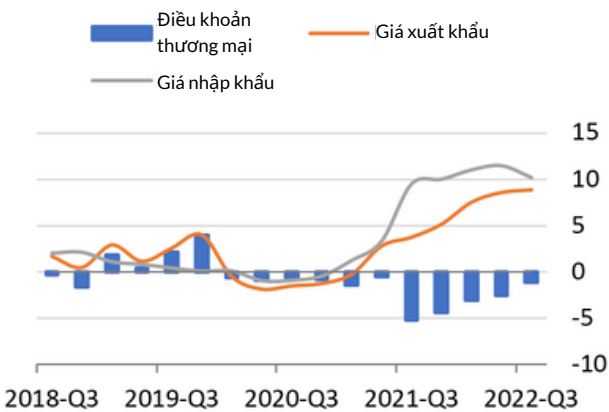


Tốc độ tăng tỷ giá thương mại đã giảm

Tỷ giá thương mại được cải thiện do kết hợp giữa giá nhập khẩu đã giảm trong khi giá xuất khẩu đi ngang. Chỉ số giá nhập khẩu tăng 10,2% trong Q3/2022 (so cùng kỳ năm trước), thấp hơn so với 11,4% trong Q2 (so cùng kỳ năm trước) còn chỉ số giá xuất khẩu tăng 8,9% trong Q3 (so cùng kỳ năm trước), tương đương với tốc độ tăng 8,6% trong Q2 (so cùng kỳ năm trước) (Hình 10). Chính vì vậy, tốc độ tăng tỷ giá thương mại đã giảm từ 2,6% trong Q2 (so cùng kỳ năm trước) xuống còn 1,2% trong Q3 (so cùng kỳ năm trước). Tốc độ tăng giá nhập khẩu chứng lại có thể do giá nhiên liệu giảm (từ 52,16% xuống còn 37,5%) và những đầu vào nhập khẩu chính, như thép (từ 33,1% (so cùng kỳ năm trước) xuống còn 20,9 (so cùng kỳ năm trước)), sợi (từ 13,8% xuống còn 6,9%), phân bón (từ 45,1% xuống còn 35%), và cao su (từ 4,85 xuống 0,1%). Chi phí vận tải giảm cũng có thể có vai trò ở đây. Cước vận tải đại dương và ven biển trong Q3/2022 chỉ cao hơn 4,9% so cùng kỳ năm trước, so với 10,8% trong Q2/2022.

Hình 10: Tỷ giá thương mại

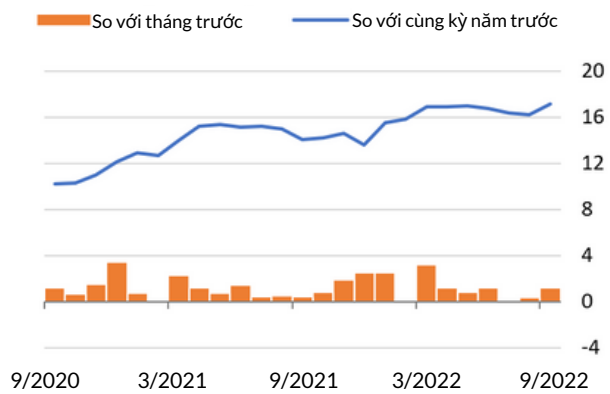
(Tỷ lệ %, so cùng kỳ năm trước, không điều chỉnh theo mùa vụ)



Tăng trưởng tín dụng leo thang

Sau khi đi ngang từ tháng 03/2022, tăng trưởng tín dụng tăng từ 16,2% trong tháng 08 (so cùng kỳ năm trước) lên 17,2% trong tháng 09 (so cùng kỳ năm trước) sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nâng hạn mức tăng trưởng tín dụng cho một số ngân hàng thương mại (Hình 11). Do nhu cầu tín dụng lớn, lãi suất liên ngân hàng qua đêm tăng từ 3,5% trong tháng 08 lên 4,9% trong tháng 09, và lên đến 5,48% vào giữa tháng 10, mức cao nhất kể từ năm 2013.

Hình 11: Tăng trưởng tín dụng
(Tỷ lệ %, không điều chỉnh theo mùa vụ)

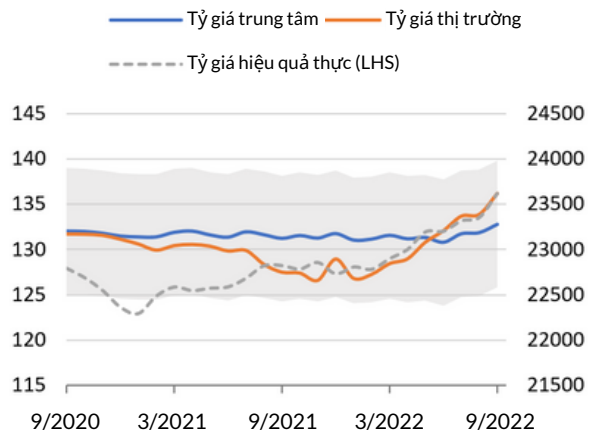


Điều tra về gian lận chứng khoán gây một đợt xáo trộn liên quan đến một ngân hàng tư nhân lớn

Vào đầu tháng 10, cơ quan chức năng tiến hành điều tra một doanh nghiệp bất động sản lớn với cáo buộc liên quan đến gian lận trong giao dịch bất động sản và phát hành trái phiếu, dẫn đến bắt giữ Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Điều hành của doanh nghiệp đó cùng ba người khác, một số người trong đó có liên quan đến Ngân hàng Thương mại Sài Gòn (SCB). Những sự kiện trên gây ra một đợt tháo chạy khẩn khi người dân rút tiền gửi ra khỏi SCB. Để ứng phó, Thống đốc NHNN cam đoan với thị trường và người gửi tiền là ngân hàng trung ương sẽ đảm bảo an toàn cho người gửi tiền ở các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, bao gồm SCB. Ngân hàng này đã được đưa và diện kiểm soát đặc biệt của NHNN và NHNN công bố sẽ bổ nhiệm nhân sự vào các vị trí quản lý chủ chốt.

Đồng tiền của Việt Nam bị mất giá so với đồng đô-la Mỹ

Hình 12: Tỷ giá bình quân
(VND/US\$)



Do điều kiện huy động tài chính trên toàn cầu bị thắt chặt trong vài tháng qua và đồng đô-la Mỹ mạnh lên, tỷ giá chính thức giữa VND/US\$ tiếp tục tăng lên trong tháng 09 (1,0% (so tháng trước) và 3,8% (so cùng kỳ năm trước)) (Hình 12). Để ổn định đồng nội tệ, NHNN vào ngày 23/09/2022 đã nâng hai loại lãi suất chính sách thêm 100 điểm cơ bản; lãi suất chiết khấu được nâng từ 2,5% lên 3,5% và lãi suất tái cấp vốn được nâng từ 4,0% lên 5,0%. Ngoài ra, trần lãi suất tiền gửi ngắn hạn bằng nội tệ (từ một tháng đến dưới sáu tháng) cũng được nâng từ 4,0% lên 5,0%. Đó là lần đầu tiên NHNN nâng các mức lãi suất kể từ đầu đại dịch COVID-19.

Cân đối ngân sách chuyển bội chi trong tháng 09

Cân đối ngân sách tháng 09 lần đầu tiên bội chi ở mức 0,5 tỷ US\$ trong năm 2022. Tổng thu ngân sách tăng 62,6% (so cùng kỳ năm trước), còn tổng chi ngân sách tăng 15,4% (so cùng kỳ năm trước), phần nào do hiệu ứng xuất phát điểm thấp vì cả thu và chi đều bị ảnh hưởng đáng kể trong năm trước. Trong chín tháng đầu năm 2022, thu ngân sách của Chính phủ đạt 94% so với dự toán thu, nhưng chi ngân sách chỉ đạt 60,9% tổng dự toán chi, dẫn đến bội thu ngân sách ở mức 10,5 tỷ US\$. Giải ngân đầu tư công đạt 48,1% so với kế hoạch được Quốc hội phê duyệt, cao hơn hai điểm phần trăm so với năm trước (45,8%), còn chi thường xuyên đạt 68,3% dự toán năm so với 70% cùng kỳ năm trước.

Do cân đối ngân sách bội thu đáng kể, Kho bạc Nhà nước chỉ phát hành 0,4 tỷ US\$ trái phiếu Chính phủ có mệnh giá bằng nội tệ trong tháng 09, và toàn bộ đều có kỳ hạn dài (từ mười năm trở lên). Trong chín tháng đầu năm 2022, tổng khối lượng trái phiếu phát hành đạt 28,7% kế hoạch năm, thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2021 (67,9% kế hoạch). Chi phí vay nợ tiếp tục tăng, do lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm tăng lần lượt từ 2,8% lên 3,0% trên thị trường sơ cấp và từ 3,7% lên 5,0% trên thị trường thứ cấp, trong giai đoạn từ tháng 08 đến tháng 09.

Cần theo dõi:

Mặc dù nền kinh tế tiếp tục phục hồi mạnh mẽ, nhưng những bất định gia tăng liên quan đến nền kinh tế toàn cầu đang chững lại, lạm phát trong nước gia tăng, điều kiện huy động tài chính toàn cầu bị thắt chặt cho thấy cần tăng cường cảnh giác và linh hoạt về chính sách.

Trong điều kiện nền kinh tế chưa phục hồi đầy đủ và tăng trưởng ở những thị trường xuất khẩu chủ lực dự kiến sẽ chậm lại, cần tiếp tục các chính sách tài khóa chủ động hỗ trợ nền kinh tế trên cơ sở phù hợp với kết quả kinh tế và phối hợp chặt chẽ với chính sách tiền tệ. Đồng thời vì CPI và CPI cơ bản đang tiếp đến mức 4% - mức lãi suất chính sách của các cấp có thẩm quyền - cơ quan tiền tệ cần sẵn sàng cân nhắc thắt chặt hơn nữa chính sách tiền tệ để đảm bảo neo giữ lạm phát. Khi giai đoạn giãn hoãn thời gian trả nợ đã kết thúc và điều kiện huy động tài chính bị thắt chặt, khu vực tài chính phải đối mặt với rủi ro gia tăng đồng thời đòi hỏi phải có hướng dẫn từ phía NHNN để ngăn chặn những rủi ro đó bị hiện thực hóa ở cấp độ rộng hơn, trong cả khu vực, có thể gây ảnh hưởng đến nền kinh tế thực. Sự xáo trộn gần đây liên quan đến vụ việc của Ngân hàng Thương mại Sài Gòn (SCB) cho thấy nhu cầu cần nâng cao minh bạch thông qua công bố kịp thời thông tin chi tiết về kết quả hoạt động của khu vực ngân hàng, tăng cường quản trị doanh nghiệp và tăng cường giám sát dựa trên rủi ro, bao gồm giám sát hoạt động cho vay của các tập đoàn doanh nghiệp và cho vay bên liên quan để can thiệp sớm, và tăng cường cơ chế xử lý ngân hàng.

Nguồn và ghi chú:

Toàn bộ dữ liệu lấy của Haver và nguồn lấy từ Tổng cục Thống kê (TCTK) Việt Nam, ngoại trừ: Số liệu thu chi ngân sách của Chính phủ (Bộ Tài chính), số liệu FDI (Bộ KH&ĐT); PMI và lạm phát giá sản xuất (khảo sát của Nikkei và IHS Markit); Chỉ số nhà quản trị mua hàng lấy từ khảo sát 400 doanh nghiệp chế tạo chế biến, dựa trên năm chỉ số riêng lẻ về đơn đặt hàng mới, sản lượng, việc làm, thời gian giao hàng (và tồn kho các mặt hàng đã mua). Số liệu này được điều chỉnh theo mùa vụ. Chỉ số này nếu vượt 50 nghĩa là ngành chế tạo chế biến đang phát triển so với tháng trước; dưới 50 nghĩa là đang bị thu hẹp; còn 50 nghĩa là không thay đổi; số liệu về khu vực tài chính, bao gồm thông tin tín dụng (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); tăng trưởng tín dụng và tiền gửi trong tháng 01 và tháng 02 năm 2022 (do cán bộ Ngân hàng Thế giới tính toán dựa trên dữ liệu lấy từ báo chí trong nước); số liệu về ca nhiễm COVID-19 được khẳng định và liệu tiêm COVID-19 được thực hiện (Thế giới của chúng ta bằng dữ liệu), tình hình đi lại của cộng đồng (số liệu ban đầu lấy giá trị trung vị, cho ngày tương ứng của tuần đó, trong giai đoạn 5 tuần từ 03/01 - 06/02/2020, và thay đổi từng ngày được so với giá trị ban đầu trong ngày của tuần đó) (Google); Trái phiếu Kho bạc (Sở

Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam); tỷ giá thực hữu hiệu (REER) (Cơ sở dữ liệu theo dõi toàn cầu của Ngân hàng Thế giới), tỷ giá trên thị trường chính thức (Vietcombank).

SA= Điều chỉnh theo mùa vụ; NSA= Không điều chỉnh theo mùa vụ; LHS = Thang bên trái; FOB = giá giao lên tàu; CIF = Giá thành, bảo hiểm, cước phí.